

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 248/2017/DS-PT

Ngày: 15-9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Phước Hội

Bà Lê Thị Trúc Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trúc Thương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:** Ông Nguyễn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2017/TLPT-DS ngày 24 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2017/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 250/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1 Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1982; Địa chỉ cư trú: Số nhà A, đường Thiên Hộ D, phường C, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

1.2 Anh Nguyễn Th, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: Số nhà H, ấp N, xã M, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Th: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1982 (theo văn bản ủy quyền ngày 12/9/2017) (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn S, (Tám H) sinh năm 1957; Địa chỉ: cư trú: Số nhà Q, ấp R, xã S, huyện B, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn S (Tám H) là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T cũng là đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Th trình bày:

Vào ngày 26/9/2016 âm lịch (âl) bà Huỳnh Hồ Mai V là mẹ bà có cho ông Nguyễn S (Tám H) vay 60.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, hẹn sau khi thu hoạch lúa sẽ trả gốc và lãi. Khi vay không làm giấy tờ gì nhưng bà V tự viết, tự ký tên Tám H vào một biên nhận, nội dung ông Tám H có vay 60.000.000đ vào ngày 26/9/2016, lãi suất 1.800.000đ/tháng. Đến ngày 26/12/2016 (Nhằm ngày 28/11/2016 âm lịch) thì bà V qua đời, ông S chưa trả nợ gốc và nợ lãi cho bà V, cha chị là ông Nguyễn H, chết vào ngày 20/11/2008.

Cha mẹ chị có hai người con là Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 và Nguyễn Th, sinh năm 1989. Nay cha mẹ đã qua đời, chị T và anh Th khởi kiện ông S, yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông S phải trả cho chị và anh Th số tiền 60.000.000đ, không yêu cầu tính lãi và chỉ yêu cầu ông S phải trả số tiền trên. Vì ông S là người trực tiếp vay tiền.

- Bị đơn ông Nguyễn S trình bày:

Vào khoảng tháng 4, tháng 5 năm 2016 (âl), ông S có vay của bà V là mẹ chị T và anh Th hai lần, lần đầu vay 50.000.000đ sau đó khoảng 20 ngày vay thêm 10.000.000đ, tổng cộng là 60.000.000đ. Lãi suất cứ 10.000.000đ là 300.000đ/tháng, thời hạn vay là 04 tháng, khi vay không làm giấy tờ gì, ông dự định vay tiền về đóng phà. Sau đó, ông S không đóng phà mà cộng với tiền của gia đình, ông S mua 05 công đất tại xã M, huyện B, tỉnh Đồng Tháp cho con gái là Nguyễn Ngọc T1. Hiện nay, chị T1 đang quản lý, sử dụng phần đất trên. Đến hạn vào khoảng tháng 8, tháng 9 năm 2016 (âl) ông S đã trực tiếp trả cho bà V, tiền gốc là 60.000.000đ, tiền lãi là 7.200.000đ, khi trả cũng không làm giấy tờ gì và cũng không có ai biết, chỉ có ông S và bà V biết. Ông S đã trả cho bà V tiền nợ vay nên ông không đồng ý theo yêu cầu của chị T và anh Th.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2017/DS-ST ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Th đối với ông Nguyễn S (Tám H).

- Buộc ông Nguyễn S (Tám H) phải trả số tiền vay cho chị T, anh Th 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, chị T và anh Th có đơn yêu cầu thi hành án mà ông S (Tám H) chưa thi hành xong số tiền trên thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự vào từng thời điểm đối với số tiền chậm thi hành.

- Về án phí sơ thẩm dân sự: Ông Nguyễn S (Tám H) phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị T, anh Th được nhận lại 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 14237, ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

- Ngày 01/8/2017, bị đơn ông Nguyễn S kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm buộc ông trả tiền nợ vay 60.000.000đ là không có căn cứ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn S (Tám H) trả số tiền 60.000.000, không yêu cầu tính lãi và chỉ yêu cầu ông S trả số tiền vay như trên.

+ Bị đơn ông Nguyễn S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là không đồng ý trả số tiền 60.000.000đ vì số tiền vay này ông đã trả xong.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do ông S không xuất trình được chứng cứ gì chứng minh cho việc trả tiền nợ vay của ông vào khoảng 8 - 9/2016 (âl).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi án sơ thẩm xét xử, ông S có đơn kháng cáo không đồng ý trả số tiền vay 60.000.000đ cho chị T và anh Th với lý do vào khoảng tháng 4 đến tháng 5/2016 (âl) ông có vay của bà Huỳnh Hồ Mai V (Ba M1) 2 lần với số tiền trên. Sau khi thu hoạch xong mùa vụ Hè Thu khoảng tháng 8 đến tháng 9/2016 (âl) ông S đã trả tiền vốn gốc 60.000.000đ và tiền lãi 4 tháng 7.200.000đ. Vì vậy, ông không đồng ý trả số tiền vay trên.

[2] Xét thấy, chị T trình bày vào ngày 26/9/2016 (âl) ông S có vay của bà V là mẹ chị 60.000.000đ lúc vay hai bên không có làm biên nhận, nhưng bà V tự viết vào sổ trong một biên nhận để theo dõi nợ. Đối với ông S thừa nhận có vay của bà V 60.000.000đ. Tuy nhiên, ông S không thống nhất về thời gian vay ông S xác định có vay của bà V vào khoảng tháng 4 - 5/2016 (âl) 2 lần, lần 1 ông vay 50.000.000đ lần 2 ông vay thêm 10.000.000đ cách lần 1 khoảng 20 ngày. Tổng cộng, ông S vay số tiền là 60.000.000đ, lúc vay hai bên không có làm biên nhận vay, ông S chỉ thấy bà V ghi vào sổ. Như vậy, việc ông S vay của bà V 60.000.000đ là có thật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S trình bày, khoảng tháng 4 - 5/2016 (âl) ông vay tiền của bà V dự định về để mua phà nhưng do lúc đó đất rẻ nên ông mua 5 công đất của vợ chồng anh Nguyễn Văn B1 tại xã M, huyện B cho con gái ông là chị T1 canh tác. Lúc mua đất nhà ông có sẵn một số tiền cộng với tiền vay của bà V ông đã trả xong tiền mua đất cho vợ chồng anh B1 vào khoảng 4 - 5/2016

(âl). Sau khi thu hoạch xong vụ mùa Hè Thu khoảng tháng 6 - 7/2016 (âl) thì đến khoảng 11 giờ trưa tháng 8 - 9/2016 (âl) ông S lấy tiền từ thu hoạch lúa cộng với tiền máy cắt ông chạy xe máy đến tại nhà bà V để trả tiền vay như trên (khi đi trả tiền chỉ có vợ ông biết). Lúc trả tiền thì chỉ có hai người, không có ai chứng kiến, ông S cũng không nhớ mệnh giá tiền là gì và hai bên không có làm biên nhận trả nợ nên ông S cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho việc đã trả nợ số tiền vay trên của mình. Ngoài ra, người làm chứng bà Ngô Thị B2 xác định vào ngày 23/10/2016 (âl) trước ngày bà V mất khi bà đến vay tiền của bà V thì bà V chỉ cho bà biết trong sổ có ghi một số người vay tiền trong đó có ông S (tức ông S) vay của bà V 60.000.000đ. Như vậy, qua lời trình bày của chị T và bà B2 thì việc ông S cho rằng đã trả tiền cho bà V xong vào tháng 8 - 9/2016 (âl) là không có căn cứ.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc ông S trả cho chị T và anh Th số tiền nợ vay 60.000.000đ là có căn cứ. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Xét, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm do ông S không có chứng cứ gì chứng minh việc đã trả xong tiền nợ vay của bà V vào khoảng tháng 8 - 9/2016 (âl). Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là có căn cứ để chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của ông S không được chấp nhận nên ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 463, Điều 466; Khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn S (Tám H).

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2017/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Th đối với ông Nguyễn S (Tám H).

2. Buộc ông Nguyễn S (Tám H) phải trả số tiền vay cho chị T, anh Th 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người bị thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì còn phải chịu lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự:

- Ông Nguyễn S (Tám H) phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị T, anh Th được nhận lại 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 14237, ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

- Ông Nguyễn S (Tám H) phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự nhưng trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 14373 ngày 02/8/2017 là 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Ông S không phải nộp thêm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- TAND huyện B;
- Chi Cục THA DS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA, (Thương).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thanh**

